

MAECRAN Viên nang mềm

CẢNH BÁO ĐẶC BIỆT:

- * *Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.*
- * *Nếu cần thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ.*
- * *Không dùng quá liều chỉ định*
- * *Xin thông báo cho Bác sĩ biết nếu xảy ra bất kỳ tác dụng ngoại ý nào trong quá trình sử dụng.*
- * *Không dùng thuốc quá hạn dùng ghi trên nhãn.*
- * *Để thuốc xa tầm với của trẻ em.*

MÔ TẢ:

Viên nang mềm hình thuôn dài, màu nâu bên trong có chứa dung dịch màu vàng.

THÀNH PHẦN:

Hoạt chất chính:

Tocopherol Acetate	200,0 mg
(tương đương với 200 I.U Vitamin E)	
Acid Ascorbic	250,0 mg
β -Caroten 30% hỗn dịch	10,0 mg
(tương đương với 3,0 mg β -Caroten)	
Kẽm Oxide	9,337 mg
(tương đương với 7,5 mg Kẽm)	
Đồng Oxide	1,252 mg
(tương đương với 1,0 mg Đồng)	
Bột 0,1% Selenium	15,0 mg
(tương đương với 15 μ g Selenium)	
Manganese Sulfate	4,613 mg
(tương đương với 1,5 mg Mangan)	

Tá dược: White bees wax; Lecithin; Soybean oil; Gelatin; Concentrated Gelatin; D-Sorbitol Solution; Methyl Parahydroxybenzoate; Propyl Parahydroxybenzoate; Phẩm màu Tar; Ethyl Vanillin; Titanium Oxide.

CHỈ ĐỊNH: Thuốc được chỉ định trong các trường hợp sau:

- Chống lão hóa.
- Cung cấp Vitamin trong các trường hợp sau: Phụ nữ có thai, đang cho con bú, suy nhược, lão suy.
- Cải thiện các triệu chứng sau trong trường hợp rối loạn hệ tuần hoàn ngoại biên và trong thời kỳ bắt đầu suy yếu: đau xóc ở cổ và vai, tê cứng và ớn lạnh tay chân.
- Cải thiện hắc tố da (melasma, tàn nhang).
- Phòng ngừa chảy máu răng, chảy máu mũi.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG:

- *Trẻ em từ 12 tuổi trở lên và Người lớn:* uống 1 viên nang mỗi ngày, uống sau bữa ăn.

Liều dùng và thời gian điều trị có thể được điều chỉnh tùy thuộc vào chỉ định của bác sĩ và tình trạng bệnh nhân.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Thuốc được chống chỉ định trong các trường hợp:

- Bệnh nhân mẫn cảm với các thành phần của thuốc.
- Bệnh nhân bị bệnh Wilson's.
- Trẻ em dưới 12 tuổi.

THẬN TRỌNG:

Cần thận khi dùng thuốc cho những bệnh nhân sau:

- Bệnh nhân tăng oxalate niệu.
- Phụ nữ mang thai hoặc đang cho con bú.
- Bệnh nhân rối loạn chức năng tim và hệ tuần hoàn.

- Bệnh nhân thận hư.
- Bệnh nhân giảm protein huyết.

Khi dùng Vitamin A, không nên dùng quá 5.000 IU/ngày.

Tuân theo sự chỉ dẫn của Thầy thuốc về liều dùng và cách dùng.

Sử dụng đúng liều khuyến dùng.

Nên hỏi ý kiến Bác sĩ nếu các triệu chứng bệnh trên lâm sàng không cải thiện sau một tháng điều trị.

Thuốc có thể gây trở ngại cho việc phát hiện glucose trong xét nghiệm nước tiểu.

TƯƠNG TÁC VỚI CÁC THUỐC KHÁC, CÁC DẠNG TƯƠNG TÁC KHÁC

Dùng thuốc đồng thời với antialdorteron hoặc triamteron, tăng oxalate niệu có thể xảy ra.

Không dùng đồng thời với những thuốc sau: Muối phosphate, muối calcium, tetracycline, thuốc kháng acid.

Không uống trà có chứa tanin trong thời gian dùng thuốc.

TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC KHI LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Không có tác động nào đối với khả năng lái xe và vận hành máy móc được ghi nhận khi sử dụng thuốc.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:

Trong vài trường hợp có thể gặp bị nôn mửa, buồn nôn, tiêu chảy, ngứa, khó chịu vùng dạ dày, tiêu chảy, táo bón, ban đỏ trong thời gian sử dụng MAECRAN, nên ngưng sử dụng thuốc và hỏi ý kiến Bác sĩ hoặc dược sĩ.

Chu kỳ và lượng máu trong thời kỳ kinh nguyệt có thể thay đổi.

Ở những phụ nữ dùng thuốc ngừa thai đường uống hoặc những bệnh nhân có khả năng bị huyết khối có thể tăng nguy cơ đông vón máu.

Trường hợp dùng thuốc liều cao, kéo dài có thể gây dung nạp thuốc.

SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Sử dụng cho phụ nữ có thai:

Theo một số báo cáo đã có ghi nhận khả năng gây quái thai nếu người mẹ mang thai dùng quá nhiều Vitamin A (hơn 10.000 I.U/ngày), đặc biệt là trong 3 tháng đầu của thai kỳ. Vì vậy, cần thận trọng khi dùng thuốc cho phụ nữ mang thai và dự định có thai, trong trường hợp cần uống Vitamin A thì không nên dùng quá 5.000 I.U mỗi ngày.

Sử dụng trong thời gian đang cho con bú:

Hiện nay chưa rõ thuốc có bài tiết qua sữa hay không. Trong thời gian điều trị với thuốc này, nên tạm ngừng cho con bú.

SỬ DỤNG QUÁ LIỀU:

Dùng thuốc quá liều có thể gặp các triệu chứng như: nôn mửa, buồn nôn, tăng oxalate niệu, suy tim xung huyết.

Khi quá liều xảy ra, không có biện pháp giải độc đặc hiệu. Sử dụng các biện pháp thông thường như gây nôn, rửa dạ dày, điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

BẢO QUẢN: Bảo quản tránh ánh sáng, ở nơi khô và mát ở nhiệt độ dưới 30°C

TIÊU CHUẨN: Nhà sản xuất

ĐÓNG GÓI: 60 viên/hộp (vi 5 viên, hộp 12 vi)

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

SỐ ĐĂNG KÝ: VN-15250-12

Được sản xuất bởi:

KOLMAR PHARMA CO., LTD.

93, Biovalley 2-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Korea